

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KIỂM TOÁN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3511/QĐ-DHTL ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi)

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			30								
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13								
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL111	Luật	2	2							
2	Triết học Mác – Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP121	Mác-Lênin	3	3							
3	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Mác-Lênin	2		2						
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science Socialism	SCSO232	Mác-Lênin	2		2						
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV343	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					2			
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					2			
I.2	Kỹ năng	Skills			3								
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Soft Skills and Entrepreneurship	SSE111	Phát triển kỹ năng	3		3						
I.3	Khoa học tự nhiên	Natural Science			5								
8	Toán cho các nhà kinh tế	Mathematics for Economists	MAEC112	Toán học	3	3							
9	Nhập môn xác suất thống kê	Introduction to Probability and Statistic	MATH253	Toán học	2		2						
I.4	Tin học	Informatics			3								
10	Kỹ năng số và Khai thác AI	Digital Skills and AI Utilization	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	3							
I.5	Ngoại ngữ	Foreign Language			6								
11	Tiếng Anh 1	English 1	ENG213	Tiếng Anh	3			3					
12	Tiếng Anh 2	English 2	ENG224	Tiếng Anh	3				3				

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
I.6	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*							
I.7	Giáo dục thể chất	Physical Education			3*	1*	1*	1*					
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			100								
II.1	Kiến thức cơ sở	Foundation Knowledge			38								
1	Kiến thức cơ sở khối ngành	Foundational Subjects of the field			16								
13	Nguyên lý kinh tế vi mô	Principles of Microeconomics	ECON102	Kinh tế	3	3							
14	Nguyên lý kinh tế vĩ mô	Principles of Macroeconomics	ECON103	Kinh tế	3		3						
15	Quản trị học	Management	BACU101	Quản trị kinh doanh	2			2					
16	Tài chính - Tiền tệ	Basics of Money and Finance	ACC101	Tài chính	2	2							
17	Nguyên lý kế toán	Accounting Principles	ACC102	Kế toán	3			3					
18	Marketing căn bản	Principles of Marketing	BACU102	Quản trị kinh doanh	3		3						
2	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			22								
19	Luật thương mại	Commercial Law	ELAW204	Luật	2			2					
20	Nguyên lý thống kê	Principles of Statistics	BACU203	Quản trị kinh doanh	3			3					
21	Kế toán tài chính 1	Financial Accounting 1	ACC201	Kế toán	3			3					
22	Kế toán tài chính 2	Financial Accounting 2	ACC202	Kế toán	3				3				
23	Kiểm toán căn bản	Principles of Auditing	ACC303	Kiểm toán	3				3				
24	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	ACC401	Kế toán	3				3				
25	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	ACC427	Tài chính	3					3			
26	Kiểm soát nội bộ	Internal Control	ACC414	Kiểm toán	2					2			
II.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành	Core Units			62								
1	Các học phần bắt buộc	Compulsory Units			35								
27	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information System	ACC409	Kế toán	3				3				
28	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	ACC407	Kế toán	3					3			
29	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	Financial Statement Auditing 1	AUD201	Kiểm toán	3					3			

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
30	Đạo đức nghề nghiệp kế toán	Accounting Ethics	ACC105	Kế toán	2						2		
31	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	Financial Statement Auditing 2	AUD202	Kiểm toán	3						3		
32	Quản trị hiệu suất chiến lược	Strategic Performance Management	ACC402	Kế toán	3						3		
33	Lập báo cáo tài chính theo IFRS	Preparation of Financial Statements Under IFRS	ACC714	Kế toán	3						3		
34	Thực tập kế toán	Accounting Internship	AUD234	Kế toán	3						3		
35	Kế toán thuế	Tax Accounting	ACC302	Kế toán	3							3	
36	Phân tích dữ liệu trong kiểm toán	Data Analytics for Auditing	AUD205	Kiểm toán	3							3	
37	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán 1	English for Accounting 1	ACC713	Kế toán	3							3	
38	Thực hành kiểm toán	Practice in Auditing	AUD204	Kiểm toán	3							3	
2	Các học phần tự chọn	Selective Units			17			2	3	3	4	5	
39	<i>Soạn thảo văn bản kinh doanh</i>	<i>Writing Skills in Business</i>	<i>ACC104</i>	<i>Kế toán</i>	<i>2</i>			<i>2</i>					
40	<i>Thị trường chứng khoán</i>	<i>Securities Market</i>	<i>ACC418</i>	<i>Tài chính</i>	<i>2</i>			<i>2</i>					
41	<i>Khởi nghiệp</i>	<i>Business Startup</i>	<i>BAEU201</i>	<i>Quản trị kinh doanh</i>	<i>2</i>			<i>2</i>					
42	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán</i>	<i>Application of Technology in Accounting</i>	<i>ACC411</i>	<i>Kế toán</i>	<i>3</i>				<i>3</i>				
43	<i>Kế toán chi phí</i>	<i>Cost Accounting</i>	<i>ACC424</i>	<i>Kế toán</i>	<i>3</i>				<i>3</i>				
44	<i>Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh tế và kinh doanh</i>	<i>Applications of Artificial Intelligence in Economics and Business</i>	<i>AIEB325</i>	<i>Kinh tế và Kinh doanh số</i>	<i>3</i>				<i>3</i>				
45	<i>Nhập môn Phân tích dữ liệu</i>	<i>Introduction to Data Analytics</i>	<i>INDA224</i>	<i>Thương mại Điện tử</i>	<i>3</i>				<i>3</i>				
46	<i>Quản trị tài chính doanh nghiệp</i>	<i>Financial Management</i>	<i>ACC103</i>	<i>Tài chính</i>	<i>3</i>				<i>3</i>				

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
47	Kế toán hành chính sự nghiệp	Accounting for Governmental and Non-Profit Organizations	ACC301	Kế toán	3					3			
48	Trực quan hóa dữ liệu	Data Visualization	DV321	Kinh tế và Kinh doanh số	3					3			
49	Quản lý đầu tư xây dựng	Construction Investment Management	CET460	Công nghệ và Quản lý xây dựng	3					3			
50	Kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ	Accounting for Commercial and Service Enterprise	ACC421	Kế toán	3					3			
51	Kế toán tài chính 3	Financial Accounting 3	ACC329	Kế toán	3					3			
52	Tổ chức kế toán	Design of Accounting System	ACC406	Kế toán	3					3			
53	Kiểm toán hoạt động	Operational Auditing	AUD405	Kiểm toán	2						2		
54	Định mức - Đơn giá - Dự toán	Norm-Price-Cost Estimate	PCE316	Kinh tế xây dựng	2						2		
55	Văn hóa doanh nghiệp	Corporate Culture	BAEU305	Quản trị kinh doanh	2						2		
56	Kỹ năng đàm phán	Negotiation Skills	NS214	Phát triển kỹ năng	2						2		
57	Kiểm toán ngân sách nhà nước	The State Budget Auditing	AUD407	Kiểm toán	2						2		
58	Kiểm toán nội bộ	Internal Audit	ACC420	Kiểm toán	3							3	
59	Quản trị kinh doanh	Business Management	BAC402	Quản trị kinh doanh	3							3	
60	Dịch vụ đảm bảo và kiểm toán công nghệ thông tin	Assurance Services and Information Technology Auditing	AUD260	Kiểm toán	2							2	
61	Phát triển kỹ năng quản trị	Developing Management Skills	DMS461	Phát triển kỹ năng	2							2	

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
62	<i>ISO14000 và kiểm toán môi trường</i>	<i>ISO14000 and Environmental Auditing</i>	<i>IOEA201</i>	<i>Kỹ thuật & Quản lý môi trường</i>	2							2	
3	Thực tập và học phần tốt nghiệp	Internship and Graduation Thesis			10								10
3.1	Thực tập tốt nghiệp	Graduate Intership	AUD263	Kiểm toán	3								3
3.2	Học phần tốt nghiệp	Graduate Thesis	AUD264	Kiểm toán	7								7
	Tổng cộng (I + II)				130	16	15	18	18	18	18	17	10